



ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
VIỆN SINH THÁI RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG



**RÀ SOÁT, PHÂN VÙNG CHI
TIẾT RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG
PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT
VÀ XÂY DỰNG BẢN ĐỒ QUY
HOẠCH LÂM NGHIỆP TRÊN
ĐỊABÀN TỈNH ĐỒNG NAI**



Hà Nội, năm 2025

CÁC NỘI DUNG CHÍNH

01

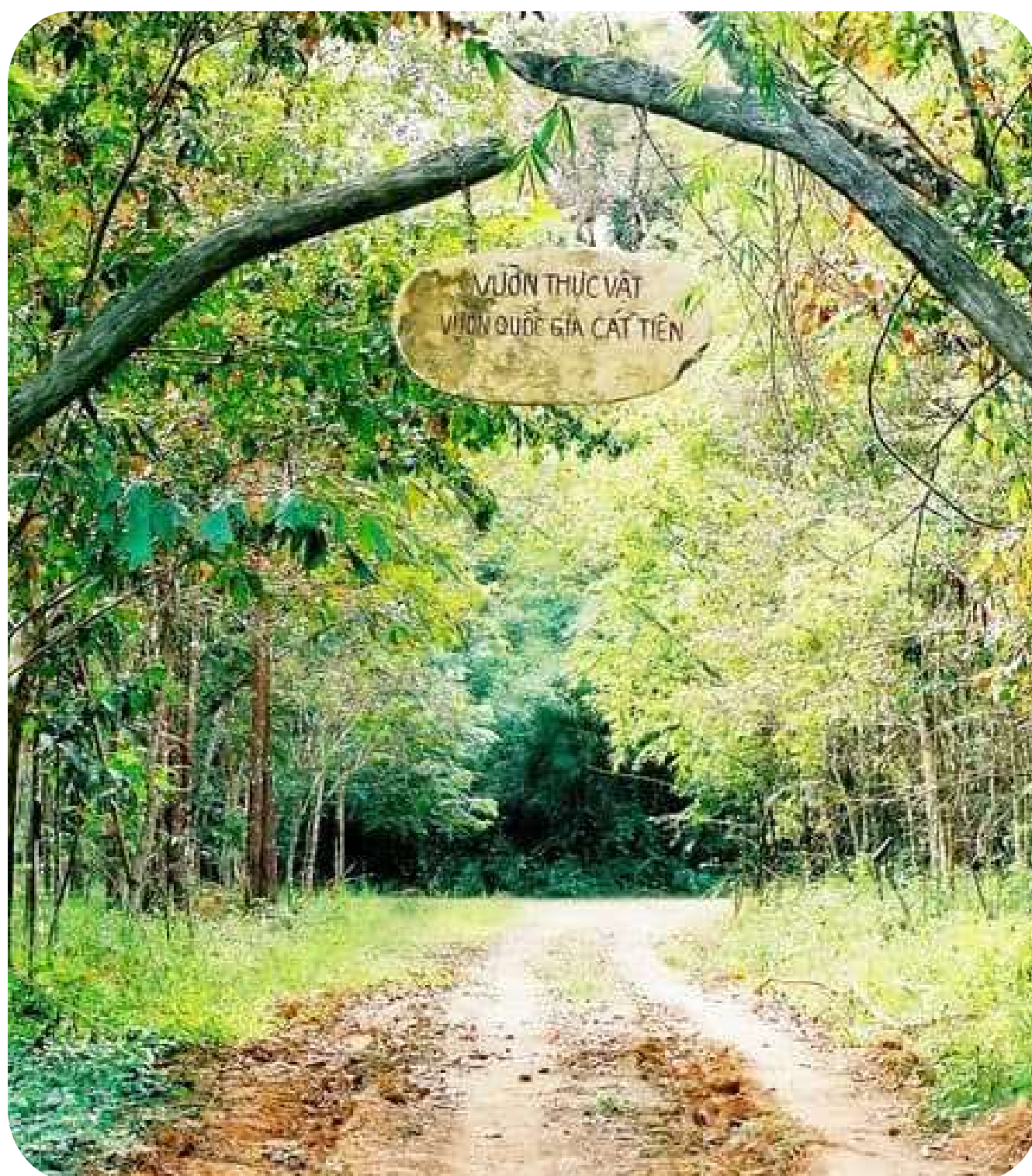
TÍNH CẤP THIẾT

MỤC TIÊU, NỘI DUNG
VÀ PHƯƠNG PHÁP
THỰC HIỆN

02

03

KẾT QUẢ RÀ SOÁT



I. TÍNH CẤP THIẾT

Thực hiện chỉ đạo Trung ương (QĐ 575/QĐ-BNNMT) và UBND tỉnh
Là bước cụ thể hóa chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp tỉnh
Đồng Nai

Rừng phòng hộ ~6.000 ha không còn đáp ứng tiêu chí, gây lãng phí tài nguyên

Hệ thống rừng đặc dụng thiếu phân khu bảo vệ cảnh quan làm giảm giá trị bảo tồn

Cần điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp phù hợp với thực tiễn và luật hiện hành

Là cơ sở thu hút đầu tư, phát triển lâm nghiệp hàng hóa bền vững
Góp phần bảo tồn ĐDSH, ứng phó BĐKH, đảm bảo mục tiêu che phủ rừng đến 2030



II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN



Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát

Nhằm đảm bảo quản lý, tổ chức sản xuất lâm nghiệp có hiệu quả, phù hợp với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia đã duyệt. Đồng thời bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch sử dụng đất và Quy hoạch tỉnh Đồng Nai đến 2030

Mục tiêu cụ thể

Phân vùng chi tiết ba loại rừng trên cơ sở rà soát hiện trạng, đánh giá theo đúng tiêu chí pháp lý hiện hành (Luật Lâm nghiệp 2017 và Nghị định 156/2018/NĐ-CP).

Xác định các diện tích rừng không còn phù hợp chức năng hiện tại, đề xuất chuyển loại rừng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đặc biệt là chuyển từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất.

Bổ sung và hoàn thiện phân khu chức năng trong rừng đặc dụng, đặc biệt là phân khu bảo vệ cảnh quan theo quy định.

Bổ sung và hoàn thiện phân khu chức năng trong rừng đặc dụng, đặc biệt là phân khu bảo vệ cảnh quan theo quy định.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

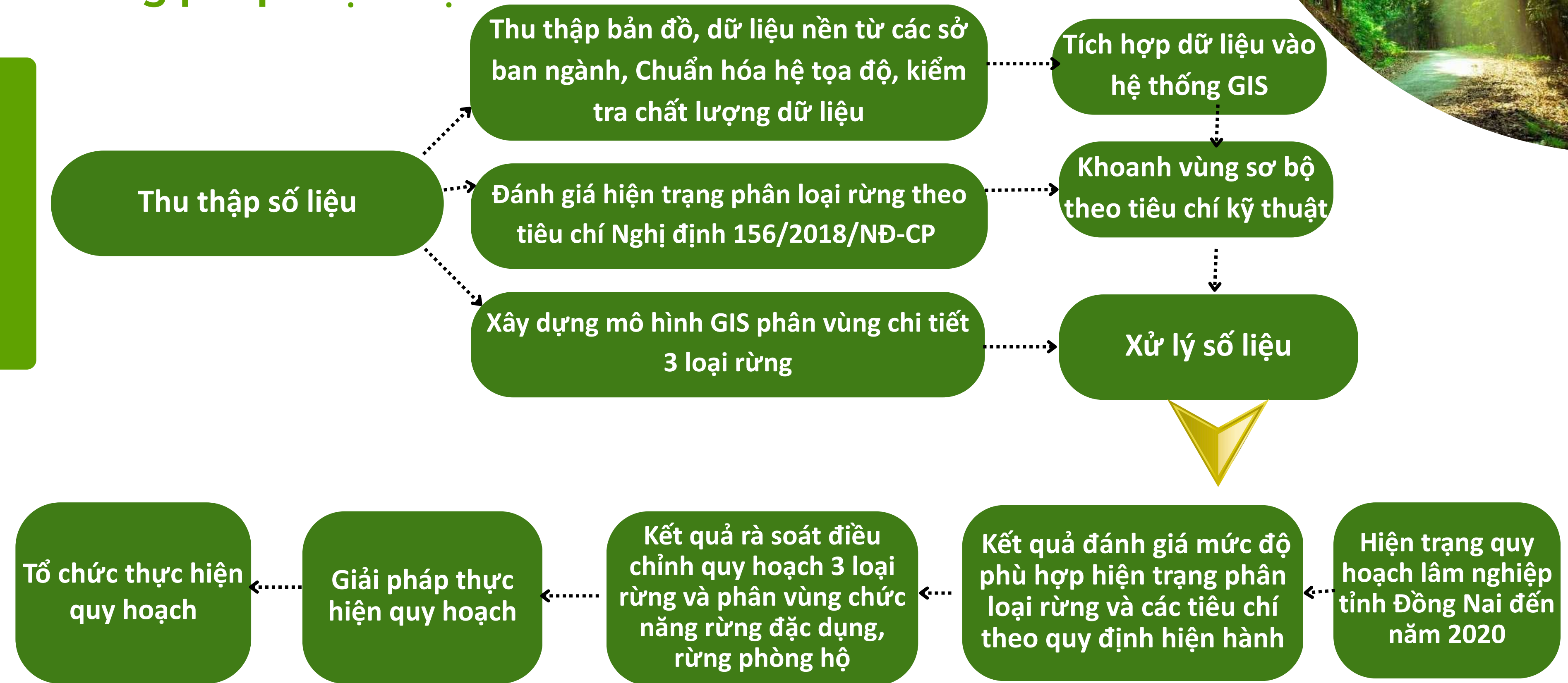
Nội dung





II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

Phương pháp thực hiện





PHẦN III: KẾT QUẢ THỰC HIỆN

3.1. Hiện trạng quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2020



Hiện trạng 3 loại rừng cho thấy:

Diện tích rừng tự nhiên là 123.071,73 ha, trong đó rừng đặc dụng chiếm 77,73%, rừng phòng hộ 13,03% và rừng sản xuất 9,24%.

Diện tích rừng trồng (chưa bao gồm diện tích đã trồng nhưng chưa thành rừng) có 36.628,12 ha, trong đó chủ yếu thuộc đối tượng rừng phòng hộ và sản xuất với 89,54%.

Các đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng rừng và đất lâm nghiệp được giao gồm:

Các đơn vị trực thuộc Bộ NN&MT

Đơn vị trực thuộc tỉnh Đồng Nai: Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai;

Đơn vị trực thuộc Sở NN&MT Đồng Nai: Ban QLRPH Xuân Lộc, Long Thành, Tân Phú và Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Hiện trạng quy hoạch ba loại rừng

TT	Tổng diện tích đất lâm nghiệp	Tổng	Phòng hộ	Đặc dụng	Sản xuất
	Tổng	180.450,06	40.407,19	104.141,12	35.901,75
A	Đất có rừng	159.699,85	33.377,89	99.497,76	26.824,20
I	Rừng tự nhiên	123.071,73	16.032,11	95.666,55	11.373,07
1	Rừng gỗ tự nhiên	86.970,28	12.901,93	67.840,92	6.227,43
2	Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	33.866,40	3.052,87	25.701,59	5.111,94
3	Rừng tre nứa	2.235,05	77,31	2.124,04	33,70
II	Rừng trồng	36.628,12	17.345,78	3.831,21	15.451,13
1	Rừng trồng có trữ lượng	24.907,02	11.621,67	2.660,86	10.624,49
2	Rừng trồng tre nứa	0,31			0,31
3	Rừng trồng khác	11.720,79	5.724,11	1.170,35	4.826,33
B	Đất chưa có rừng	20.750,21	7.029,30	4.643,36	9.077,55
1	Đất có rừng trồng chưa thành rừng	4.758,72	1.611,90	433,11	2.713,71
2	Đất có cây tái sinh	1.140,14	129,61	448,57	561,96
3	Diện tích khác	14.851,35	5.287,79	3.761,68	5.801,88



3.1. Hiện trạng quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2020

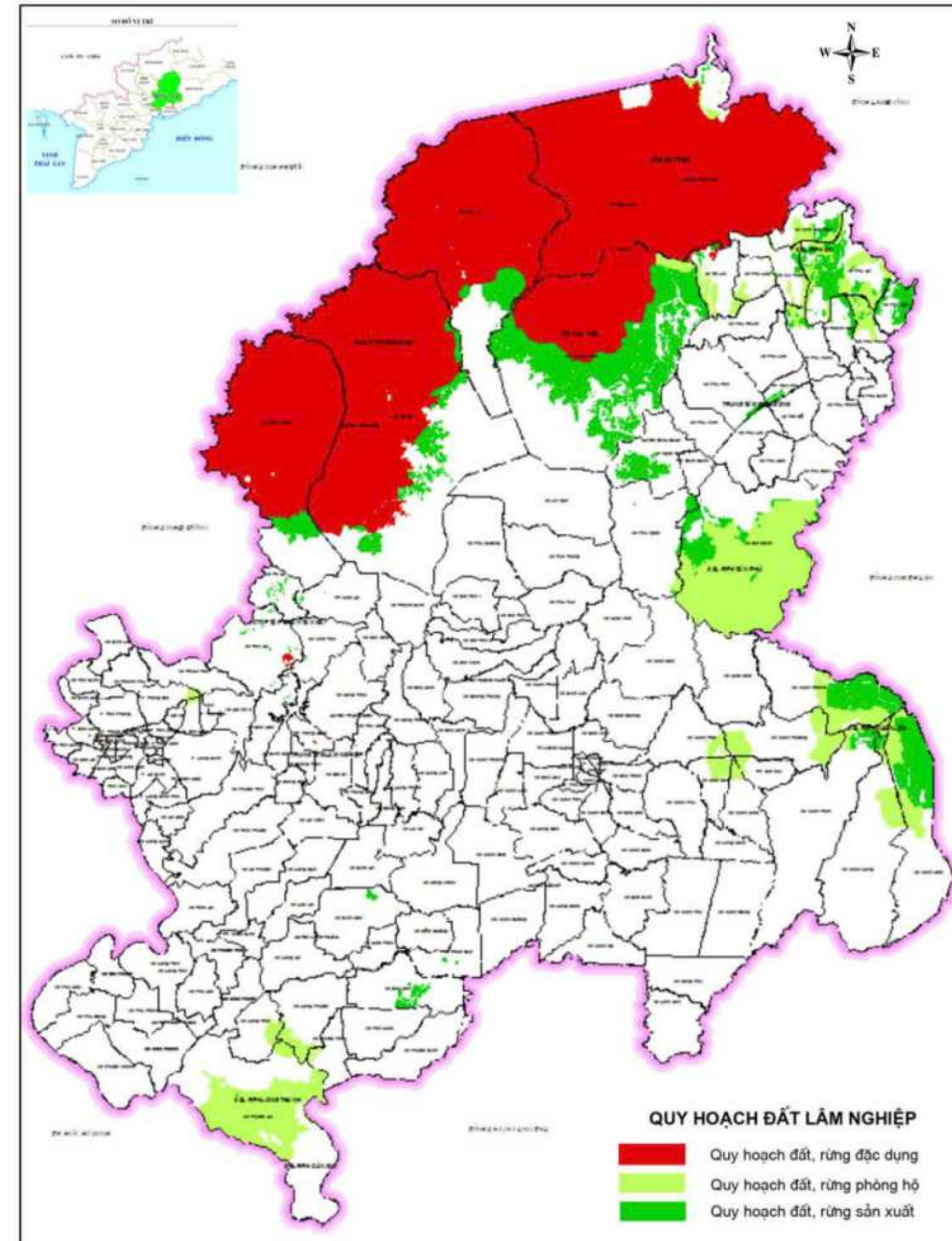
Với tổng diện tích quy hoạch 3 loại rừng năm 2020 như sau:

Diện tích quy hoạch rừng đặc dụng đến năm 2020 là 104.141,12 ha

Diện tích rừng phòng hộ toàn tỉnh đến năm 2020 là 40.407,19 ha

Diện tích rừng sản xuất toàn tỉnh đến năm 2020 là 35.901,75 ha

Từ đó thể hiện bản đồ hiện trạng rừng và quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Đồng Nai trước đến năm 2020



3.2. Kết quả đánh giá mức độ phù hợp hiện trạng phân loại rừng và các tiêu chí theo quy định hiện hành

- Hệ thống phân khu rừng đặc dụng**

* Đánh giá mức độ phù hợp so với các tiêu chí hiện hành

Căn cứ bảng số, đối chiếu với các tiêu chí hiện hành quy định phân chia phân khu chức năng khu rừng đặc dụng cho đối tượng Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, cho thấy :

Tại Khu BTTN văn hóa Đồng Nai có diện tích 808,21 ha thuộc chức năng di tích lịch sử. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4, điều 1 - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, không có phân loại chức năng này.

Hiện trạng các phân khu chức năng khu rừng đặc dụng

Đơn vị tính : Ha

TT	Chú rừng/ Phân khu chức năng	Diện tích
	Tổng	104.141,12
1	VQG Cát Tiên	40.934,47
-	Bảo vệ nghiêm ngặt	32.153,53
-	Dịch vụ hành chính	2.323,24
-	Phục hồi sinh thái	6.457,70
2	Khu BTTN Văn hóa Đồng Nai	63.200,37
-	Bảo vệ nghiêm ngặt	11.508,87
-	Di tích lịch sử	808,21
-	Dịch vụ hành chính	4.532,88
-	Phục hồi sinh thái	46.350,41
3	Trung Tâm nghiên cứu thực nghiệm lâm nghiệp Nam Bộ	6,28
-	Nghiên cứu khoa học	6,28